TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 14 - CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2025/HNGĐ-ST
Ngày 25 tháng 12 năm 2025
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – CẦN THƠ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Ngô Huỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Thành Sơn

2. Ông Nguyễn Văn Trương

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Mộng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 14 - Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 - Cần Thơ tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 - Cần Thơ. Tòa án nhân dân khu vực 14 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 35/2025/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2025/QĐST - HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Thị D, sinh năm 2001 (có mặt)

Trú tại: ấp N, xã T, thành phố Cần Thơ

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Trọng H, sinh năm 1998 (có mặt)

Trú tại: ấp Nh, xã T, thành phố Cần Thơ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai của nguyên đơn chị Trần Thị D trình bày: Chị và anh H tìm hiểu, tiến đến hôn nhân và đăng ký kết hôn năm 2022. Có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống. Vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2024 thì xảy ra mẫu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau nên vợ chồng có cãi nhau, đỉnh điểm là năm 2024 vợ chồng xô xát nhau, anh H nhiều lần đánh chị. Nhiều lần cha mẹ hai bên hòa giải nhưng vợ chồng không hàn

gắn được. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 01/2025, nay tình cảm không còn chị D yêu cầu ly hôn.

Về con chung: Chị D, anh H có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 13/01/2023 hiện con đang sống với anh H. Sau khi ly hôn chị D yêu cầu được nuôi con. Không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có

Tại các lời khai của bị đơn anh Nguyễn Trọng H trình bày: Anh H và chị D sống chung và đăng ký kết hôn năm 2022 trên cơ sở tự nguyện. Có tổ chức lễ cưới. Vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2025 thì xảy ra mẫu thuẫn. Vợ chồng không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Nên vợ chồng đã ly thân khoảng 01 năm nay. Anh H đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con là cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 13/01/2023 hiện tại con đang sống với anh H. Anh H yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu chị Hiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Tài sản chung, nợ chung: Không có

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về phần thủ tục từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị D, anh H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2022, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống và có đăng ký kết hôn nên được coi là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo lời khai của đương sự thì thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do thường xuyên bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa cho thấy chị D, anh H mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên chị D và anh H thuận tình ly hôn là có cơ sở để chấp nhận.

[2] Về con chung: Anh H, chị D có 01 con chung là cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày 13/01/2023, anh chị sống cùng cháu B tại nhà anh H đến đầu năm 2025 thì vợ chồng ly thân nên chị D về cha mẹ ruột sống. Chị D và anh H có yêu cầu được nuôi con chung. Xét về điều kiện kinh tế, tại phiên toà chị D cho rằng có đi làm công ty thu nhập khoảng 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng/tháng, anh H thì khai có hùn vốn mua bán xe cũ thu nhập từ 8.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng/tháng. Chị D

có chứng cứ chứng minh có đi làm và thu nhập ổn định. Anh H không có căn cứ nào để chứng minh cho lời khai của anh. Chị D và anh H đều cho rằng mỗi tuần thì chị D có rước con về nhà chăm sóc; đồng thời, mặc dù không sống chung với cháu B nhưng chị D có sự quan tâm chăm sóc hỗ trợ tiền phí sinh hoạt cho con và đóng tiền học cho con. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình *"Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con"*. Xét thấy, cháu Nguyễn Gia B hiện nay còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi nên cần có sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ và chị D có đủ điều kiện nuôi con. Nên cần giao con chung cho chị Trần Thị D nuôi dưỡng cho đến khi cháu B tròn 18 tuổi là phù hợp và đúng quy định của pháp luật. Chị D không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị D phải nộp 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 55 và Điều 58 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị D và anh Nguyễn Trọng H.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia B, sinh ngày: 13/01/2023 cho chị Trần Thị D trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu B tròn 18 tuổi. Anh Nguyễn Trọng H chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì

người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không đặt ra giải quyết.

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị D phải chịu là 300.000 đồng, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị D đã đóng theo biên lai số 0004125 ngày 03 tháng 10 năm 2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ thành án phí. Chị D đã đóng xong án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Ngô Huỳnh

Nơi nhận:
- VKSND kv 14 – Cần Thơ;
- THADS Tp. Cần Thơ;
- UBND xã T, Tp. Cần Thơ
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.